

Số: **766** /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **17** tháng **3** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3742/TTr-SGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo (Cơ quan thường trực) theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện, định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả thực hiện và đề xuất tháo gỡ những vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các sở, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND.TP;
- TTUB, CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam TP;
- Các Ban HĐND.TP;
- Các Đoàn thể Thành phố;
- VPUB: Các PCVP;
- Các Phòng NCTH;
- Lưu: VT (VX-VN) **11**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Anh Đức



KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2019
của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư
cho phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
giai đoạn 2022 - 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 766 /QĐ-UBND
ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2025, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2022 - 2025 với những nội dung cụ thể như sau:

Phần thứ nhất **ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** **GIAI ĐOẠN 2016 - 2021**

1. Quy mô trường, cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh

Năm học 2020-2021	Tổng cộng	Công lập	Ngoài công lập
Số lượng trường	2.366	1.346	1.020
Số lượng cán bộ quản lý	5.494	3.611	1.883
Số lượng giáo viên	78.896	56.802	22.094
Số lượng học sinh	1.682.908	1.406.161	276.747

- Giai đoạn 2016 - 2021 đối với hệ công lập, ngành giáo dục và đào tạo đã xây dựng thêm 54 trường mới, hoàn thành và đưa vào sử dụng 3.248 phòng học, đã đáp ứng phần lớn nhu cầu về học tập học cho học sinh trên địa bàn Thành phố. Đội ngũ giáo viên tăng thêm 2.527 người với chất lượng đào tạo đạt chuẩn, hàng năm được đào tạo bồi dưỡng thường xuyên để không ngừng nâng cao trình độ và cập nhật các chuẩn mới. Số lượng học sinh các cấp học mỗi năm tăng trung bình 22.056 học sinh.

- Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non và học sinh phổ thông không ngừng được cải thiện, luôn tăng cường giáo dục kỷ cương, nề nếp,

nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Đã triển khai Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học, chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm công dân của học sinh đối với cộng đồng, xã hội. Các cơ sở giáo dục thường xuyên đang dần dần đa dạng hóa nội dung chương trình giáo dục, kết hợp dạy nghề... để thu hút nhiều người tham gia học tập và đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội.

- Chất lượng giáo dục mũi nhọn đã được coi trọng thông qua việc phát triển hệ thống trường chuyên, trường năng khiếu, trường tiên tiến chất lượng cao có điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại. Trong những năm qua, ngành giáo dục và đào tạo Thành phố đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, tạo điều kiện cho Thành phố tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế.

- Công tác quản lý giáo dục có bước chuyển biến tích cực, chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường phân cấp quản lý giáo dục, quyền tự chủ và trách nhiệm của các cơ sở giáo dục; ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin; mở rộng môi trường giáo dục thân thiện, khuyến khích tính tích cực, chủ động trong học sinh; tăng cường giáo dục truyền thống và văn hóa dân tộc.

- Kết quả việc huy động nguồn lực phát triển khối trường ngoài công lập:

- + Mạng lưới trường ngoài công lập phát triển mạnh và ngày càng mở rộng về quy mô, số lượng, chất lượng đã góp phần tích cực trong việc tạo ra nhiều chỗ học tập, đảm bảo cơ hội học tập cho học sinh, góp phần nâng cao dân trí của người dân, làm giảm đáng kể sức ép về ngân sách cho giáo dục.

- + Phần lớn các trường ngoài công lập có nhiều điều kiện thu hút được giáo viên giỏi tham gia giảng dạy, tạo điều kiện thúc đẩy, nâng cao chất lượng chuyên môn; có nhiều sáng tạo trong việc tổ chức và cung cấp dịch vụ phù hợp nhu cầu và điều kiện của Nhân dân, góp phần mở rộng quy mô và điều kiện học tập, đáp ứng được nhu cầu học tập đa dạng của học sinh và định hướng học tập trong tương lai; đóng góp đáng kể vào mục tiêu phát triển nguồn nhân lực cho Thành phố và bình ổn xã hội.

- + Việc mở rộng hội nhập quốc tế đã tạo điều kiện cho các trường có yếu tố nước ngoài có nhiều điều kiện phát triển về mọi mặt. Sự gia tăng về số lượng và các loại hình trường ngoài công lập nói chung đã đáp ứng tốt nhu cầu học tập của học sinh Thành phố trong những năm qua.

2. Các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo

2.1. Cơ chế phối hợp các lực lượng xã hội chăm lo cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo:

Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập và Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ các cấp từ Thành phố đến quận, huyện, phường, xã, thị trấn hàng năm có kế hoạch huy động các đối tượng trong diện phổ cập, xóa mù chữ đến lớp; bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, công nhân, người lao động; phân công động viên, chăm lo cơ sở vật chất, hậu cần cho việc dạy và học, đảm bảo nhu cầu học tập của mọi người dân, đã phát huy sức mạnh tổng hợp của các ban ngành, đoàn thể, huy động mọi tiềm lực địa phương chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo cùng thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, xây dựng xã hội học tập.

2.2. Các quỹ khuyến học, khuyến tài, khen thưởng của các tổ chức đoàn thể, hội khuyến học cấp thành phố và cơ sở:

Các ban, ngành, đoàn thể của Thành phố, các tổ chức phi Chính phủ và các tổ chức kinh tế - xã hội đã có nhiều đóng góp vào việc giáo dục đạo đức cho học sinh, chống lưu ban bỏ học, phổ cập giáo dục đúng độ tuổi; đã xây dựng các quỹ học bổng và các giải thưởng lớn như: học bổng Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Hữu Thọ, Nguyễn Thái Bình; giải thưởng Lê Quý Đôn, Lương Thế Vinh, Võ Trường Toản, Chương trình nụ cười hồng... đã tạo các nguồn lực lớn và thiết thực cho học sinh, sinh viên và ngành giáo dục đào tạo Thành phố.

Hội Khuyến Học Thành phố đến năm 2020 có 4.469 chi hội và 25.026 tổ hội khuyến học tại các quận, huyện, phường, xã và các cơ quan, công ty, xí nghiệp, trường học, hội quán với 1.376.844 hội viên. Chương trình “Tiết kiệm nuôi heo đất khuyến học” của Hội duy trì Quỹ khuyến học gia đình với tổng số tiền tiết kiệm là 676.778.963.383 đồng trong giai đoạn từ tháng 5 năm 2019 đến tháng 5 năm 2020. Trong năm 2020, toàn Thành phố đã trao 60.018 suất học bổng khuyến học, khuyến tài với tổng số tiền 71.020.160.000 đồng. Hỗ trợ học sinh nghèo 78.675 suất với số tiền 35.467.679.000 đồng. Khen thưởng học sinh giỏi 205.416 suất với số tiền 49.729.653.000 đồng. Việc xây dựng các quỹ khuyến học, khuyến tài, khen thưởng thông qua các hộ gia đình, đoàn thể và các cấp hội đã giúp sức cho nhiều trẻ em tiếp tục đến trường, thực hiện được ước mơ nghề nghiệp, hoài bão tương lai; góp phần rất lớn việc kéo giảm số lượng trẻ lang thang, tình trạng thất nghiệp, tệ nạn xã hội, đồng thời tăng thêm nguồn lao động cho Thành phố.

2.3. Môi trường giáo dục lành mạnh, các phong trào, các cuộc vận động tạo điều kiện thuận lợi cho giáo dục phát triển:

Trong nhà trường, thông qua việc tổ chức cuộc vận động “Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm”; phong trào thi đua “Xây dựng trường học

thân thiện, học sinh tích cực”; phối hợp với Đội thiếu niên tiên phong, Đoàn Thanh niên trong phong trào “Đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá trong trường học”, các hoạt động “Chủ nhật xanh”, “Công trường em sạch đẹp an toàn”... đã góp phần hình thành môi trường giáo dục trong sạch, lành mạnh, ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường.

Trong gia đình, môi trường giáo dục được thể hiện qua các phong trào xây dựng “Gia đình văn hoá”, “Gia đình hiếu học”, gắn với phong trào xây dựng “Khu phố văn hoá”; phong trào giảm nghèo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố... đã đi vào cuộc sống của từng gia đình, có tác dụng tích cực trong việc nuôi, dạy, giáo dục con cái từng gia đình và cộng đồng.

Việc phối hợp có hiệu quả giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong thời gian qua đã góp phần tăng tỷ lệ trẻ em được đến trường đúng độ tuổi đi học; tỷ lệ học sinh lưu ban bỏ học giảm dần xuống còn không quá 1%, đẩy lùi các tệ nạn xã hội xâm nhập vào học đường; số lượng trường học và cơ quan đơn vị của ngành giáo dục đào tạo có môi trường “Xanh - Sạch - Đẹp”, thực hiện nếp sống văn hoá, văn minh đô thị ngày càng tăng.

2.4. Nguồn lực Nhà nước đầu tư cho giáo dục và đào tạo:

Trong những năm qua, nguồn lực dành cho chi thường xuyên và đầu tư xây dựng trường, sửa chữa trường, hoặc cải tạo và nâng cấp của Thành phố dựa trên những nguồn vốn sau: Vốn ngân sách (Thành phố, ngân sách phân cấp cho quận, huyện và vốn thanh lý nhà); vốn vay; vốn của chương trình xoá đói giảm nghèo; vốn chương trình 1.000 phòng học của Thành Đoàn; vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia; vốn vay từ chương trình kích cầu thông qua đầu tư và vốn Nhân dân đóng góp.

Mỗi năm Thành phố Hồ Chí Minh dành hơn 26% vốn ngân sách cho việc chi thường xuyên và chi cho đầu tư xây dựng mới, sửa chữa và cải tạo, nâng cấp trường học. Theo quy hoạch mạng lưới trường lớp đến năm 2020, mỗi năm Thành phố đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng 1.000 phòng học mới, tương ứng với số tiền đầu tư khoảng 5.000 tỷ đồng/năm.

Trong các nguồn kinh phí đầu tư cho sửa chữa, xây dựng trường lớp, ngân sách nhà nước chiếm khoảng 60%; vốn vay từ quỹ đầu tư và từ các nguồn khác khoảng 15% và vốn xã hội hóa chiếm 25%.

Qua số liệu so sánh cho thấy, nguồn kinh phí cho giáo dục của Thành phố có hướng tăng từ sự đầu tư của Nhà nước. Nguồn chi từ ngân sách Nhà nước năm 2019 là 11.802.125 triệu đồng, năm 2020 là 12.352.370 triệu đồng (tăng 4,66 %).

2.5. Nguồn lực xã hội đầu tư trong việc xây dựng trường lớp:

Trong những năm qua, nguồn kinh phí từ xã hội hóa của các công ty, đơn vị, cá nhân đầu tư cho phát triển giáo dục đào tạo tăng lên đáng kể,

hệ thống các cơ sở giáo dục ngoài công lập đã được xây mới, cải tạo sửa chữa, tăng cường đầu tư trang bị cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, góp phần nâng cao các hoạt động giáo dục toàn diện cho học sinh, đáp ứng yêu cầu đổi mới của nhà trường, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp phát triển giáo dục của Thành phố.

Trong giai đoạn 2016-2020, hệ thống trường, lớp ngoài công lập đã thành lập mới 30 trường với 503 lớp, tổng số tiền đầu tư khoảng 440 tỷ đồng.

2.6. Phát huy vai trò Ban đại diện cha mẹ học sinh, củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của cha mẹ học sinh trường học:

Vai trò của cha mẹ học sinh trong công tác giáo dục học sinh vô cùng quan trọng, tiếp tục được củng cố, phát huy. Ban đại diện cha mẹ học sinh các trường trong những năm qua đã có nhiều vận động, đóng góp thiết thực trong việc hỗ trợ các hoạt động giáo dục, trang bị cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học; cải tạo, sửa chữa, xây dựng trường lớp. Các khoản chi của quỹ tài trợ cho giáo dục bao gồm các hoạt động phục vụ việc học tập của học sinh; cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm, sửa chữa nhỏ; hỗ trợ thăm hỏi, ốm đau và các hoạt động đột xuất của trường, lớp. Trong năm 2020, nguồn tài trợ từ xã hội hóa cho các trường thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo đã vận động được 20.555.456.000 đồng.

2.7. Thực hiện chính sách kích cầu đầu tư:

Chương trình vay vốn kích cầu đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo của Thành phố đã có nhiều dự án hoàn thành. Đây là hình thức huy động vốn được nhiều đơn vị và phụ huynh học sinh hưởng ứng, các công trình đầu tư đáp ứng một cách tích cực đối với nhu cầu sử dụng của nhà trường, thời gian thực hiện dự án nhanh, chất lượng công trình tốt. Việc đóng góp của cha mẹ học sinh thông qua chương trình kích cầu của Thành phố để đầu tư xây dựng trường và các cơ sở vật chất khác giúp Nhà nước tiết kiệm một phần kinh phí đầu tư xây dựng và chuyển ngân sách đầu tư xây dựng cơ bản cho khu vực khó khăn của Thành phố. Đây là mô hình ba bên, nhà trường cùng với cha mẹ học sinh và chính quyền thực hiện.

Từ năm 2015 đến năm 2020, lĩnh vực giáo dục đào tạo Thành phố đã có 33 trường được vay vốn kích cầu với tổng số tiền là 4.670.987 triệu đồng. Chương trình kích cầu những năm qua tạo thêm cơ hội cho học sinh được học tập trong điều kiện cơ sở vật chất được đầu tư tốt; phụ huynh học sinh hoàn toàn chủ động trong việc thực hiện tăng cường cơ sở vật chất của nhà trường, đảm bảo điều kiện học tập và sinh hoạt cho con em ở trường; phương thức thực hiện kích cầu rõ ràng và minh bạch về các khoản đóng góp; chất lượng giáo dục ngày càng được cải thiện; kinh phí trả vốn kích cầu cộng với học phí thấp hơn so với trường tư thục, cơ sở vật chất tốt và chất lượng đảm bảo.

3. Hạn chế trong việc huy động các nguồn lực

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện công tác huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo của Thành phố thời gian qua còn tồn tại những hạn chế sau:

- Nhận thức về xã hội hóa giáo dục vẫn còn có những mức độ khác nhau giữa các địa phương, đơn vị, các tầng lớp trong xã hội. Vẫn còn không ít cán bộ quản lý, giáo viên và phụ huynh hiểu xã hội hóa giáo dục đơn thuần chỉ là xây dựng phong trào vận động nhân dân, các tổ chức, đoàn thể đóng góp tiền của để nâng cao cơ sở vật chất nhà trường mà quên đi mục tiêu chính là huy động toàn xã hội chăm lo việc học hành cho thế hệ trẻ, xây dựng phong trào học tập sâu rộng cho mọi người để tiến tới một xã hội học tập.

- Việc tham gia của các lực lượng xã hội và các nguồn lực đầu tư cho giáo dục đào tạo chưa cao, mang tính chất phong trào, vẫn còn tâm lý trông chờ vào ngân sách của Nhà nước. Ở một số địa phương, do chưa được sự chỉ đạo sâu sát của các cấp lãnh đạo và chính quyền, vẫn còn quan niệm cho rằng xã hội hóa giáo dục là công việc của ngành giáo dục đào tạo nên ít quan tâm.

- Quá trình xã hội hóa, đầu tư cho giáo dục ở các trường tuy có tổ chức nhiều hình thức hoạt động nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra, các lực lượng xã hội chưa quan tâm nhiều vào các hoạt động xây dựng và phát triển trường.

- Công tác xã hội hóa giáo dục ở một số phường, xã chưa đạt hiệu quả cao. Việc thực hiện dân chủ hoá nhà trường chưa được thực hiện đồng bộ, chỉ đạt yêu cầu trong phạm vi nhà trường, chưa tạo điều kiện để Nhân dân tham gia quản lý nhà trường.

- Công tác chỉ đạo của ngành giáo dục về công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực cho giáo dục đào tạo vẫn còn những bất cập như cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành, các lực lượng xã hội có lúc, có nơi chưa đồng bộ, mang tính phong trào; chưa cụ thể hoá được các văn bản hướng dẫn thực hiện vào tình hình thực tế của địa phương, do đó, việc thực hiện chưa đi vào chiều sâu.

- Mạng lưới trường lớp ở một số địa bàn quận, huyện của Thành phố chưa hoàn chỉnh và chưa đáp ứng nhu cầu học tập của thanh, thiếu niên.

- Một số vấn đề phát triển giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa phù hợp. Chiến lược, quy hoạch phát triển nhân lực và các chính sách tuyển và sử dụng nhân lực của ngành còn bất cập.

- Tâm lý khoa cử thiên về bằng cấp chi phối phần nào đến việc dạy, học và thi. Khả năng đáp ứng nhu cầu học tập, học tập thường xuyên và học tập suốt đời của ngành giáo dục còn hạn chế.

- Một số chủ đầu tư mở trường ngoài công lập có khuynh hướng chạy theo lợi nhuận hơn là chăm lo quyền lợi học tập của học sinh; nhân sự quản lý

và giáo viên một số trường còn phải tiếp tục học tập bồi dưỡng để đạt các chuẩn quy định.

4. Nguyên nhân của thành tựu và hạn chế

4.1. Nguyên nhân của những thành tựu

- Quán triệt đường lối đúng đắn về phát triển giáo dục và xã hội hóa giáo dục của Đảng, Nhà nước, các cấp ủy Đảng, chính quyền Thành phố đã quan tâm sâu sát lãnh đạo tổ chức thực hiện. Cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đã làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức trong toàn Đảng, toàn dân về nội dung, ý nghĩa, mục đích xã hội hóa giáo dục. Từ đó, xác định được vai trò, nghĩa vụ của mình, đồng thời tạo sự phối hợp giữa các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội và Nhân dân huy động các nguồn lực đầu tư cho phát triển giáo dục đào tạo.

- Ngành giáo dục và đào tạo Thành phố nói chung và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường nói riêng đã chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương và làm nòng cốt trong quá trình tổ chức thực hiện công tác xã hội hóa, đầu tư cho giáo dục và đào tạo.

- Công tác kiểm tra, đánh giá nhằm biểu dương các việc làm tích cực và rút kinh nghiệm, kịp thời chấn chỉnh các hạn chế trong quá trình thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục góp phần quan trọng làm nên sự thành công của xã hội hóa giáo dục.

- Công tác kế hoạch hoá, xây dựng các văn bản chỉ đạo cụ thể của các cấp quản lý về công tác xã hội hóa giáo dục đã xác định những mục tiêu phát triển, tạo sự nhất quán trong hành động, từ đó tạo nên hiệu quả cao cho các hoạt động.

- Lòng yêu nghề, ý thức trách nhiệm, sự nỗ lực của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và quyết tâm đổi mới của ngành giáo dục đào tạo đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện tốt nhiệm vụ. Nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đã vượt qua khó khăn, đóng góp nhiều công sức cho sự nghiệp giáo dục.

4.2. Nguyên nhân của những hạn chế

- Công tác tuyên truyền giáo dục về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác xã hội hóa ở một số địa phương chưa được quán triệt đều khắp trong các lực lượng xã hội, còn mang tính phiến diện, nặng về huy động đóng góp của dân, chưa đi sâu vào bản chất, nội dung của xã hội hóa giáo dục.

- Hệ thống văn bản pháp quy về thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục vẫn còn những mặt chưa được cụ thể hoá, tính pháp chế còn ít, tính động viên khuyến khích là chủ yếu. Đồng thời, Thành phố cũng chưa có chính sách đặc thù phù hợp để huy động tốt nhất toàn xã hội tham gia đầu tư cho giáo dục. Do đó, giáo dục ở Thành phố Hồ Chí Minh còn gặp một số khó khăn trong

việc hỗ trợ, quản lý các trường ngoài công lập, đặc biệt là các trường có yếu tố nước ngoài.

- Một số cán bộ quản lý còn thiếu nhiệt tình, chưa thật năng động, sáng tạo trong tổ chức thực hiện và trong tham mưu, đề xuất cho lãnh đạo địa phương và Sở Giáo dục và Đào tạo các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực cho giáo dục đào tạo; chưa coi trọng sự phối hợp với các tổ chức, lực lượng xã hội trong thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục như là một biện pháp quan trọng để thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2022 - 2025

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội, tạo bước chuyển biến rõ rệt, thực chất trong thu hút, sử dụng và quản lý các nguồn lực của các cá nhân, tổ chức ở trong và ngoài nước đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

Đẩy mạnh huy động các nguồn lực của xã hội, thúc đẩy sự phát triển của các cơ sở giáo dục ngoài công lập đạt tỷ lệ 37,33% số cơ sở và 31% người học vào năm 2022 và lần lượt là 42,50% và 35,00% vào năm 2025, cụ thể:

2.1. Đối với giáo dục mầm non: Đặc biệt là ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, những khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh hoặc có số trẻ em trong độ tuổi đi học mầm non, mẫu giáo tăng nhanh do di dân cơ học:

Theo số liệu đến năm 2022, số cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập đạt tỷ lệ ít nhất là 65,00%, tương ứng với số trẻ em theo học đạt khoảng 56,00%;

Phấn đấu đến năm 2025, số cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập đạt 70,00% với số trẻ em theo học đạt 60,00%.

2.2. Đối với giáo dục phổ thông:

Theo số liệu đến năm 2022, tỷ lệ các trường phổ thông ngoài công lập đạt 12,00% và số học sinh theo học đạt 6,00%;

Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ các trường phổ thông ngoài công lập là 17,50% và số học sinh theo học đạt 10,00%.

2.3. Đối với giáo dục nghề nghiệp:

Đến năm 2022, số cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập đạt tỷ lệ 35,00%;

Phấn đấu đến năm 2025, số cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập đạt tỷ lệ 40,00%.

II. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện cơ chế chính sách

- Rà soát hệ thống các văn bản, chính sách về xã hội hóa đã ban hành của Ủy ban nhân dân Thành phố, hệ thống hóa các quy định về huy động các nguồn lực xã hội cho giáo dục theo từng lĩnh vực và nhóm vấn đề cụ thể, phát hiện những quy định còn chồng chéo, mâu thuẫn và còn thiếu; tham mưu đề xuất hướng chỉnh sửa, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ cho phù hợp; kịp thời cập nhật những chủ trương, định hướng mới về xã hội hóa và có liên quan, cụ thể:

+ Tham mưu, đề xuất giải pháp tạo điều kiện để nhà đầu tư sử dụng đất không nằm trong quy hoạch giáo dục để xây dựng trường phổ thông tư thục đáp ứng nhu cầu xã hội hóa giáo dục, thu hút đầu tư trong lĩnh vực giáo dục và giảm áp lực sĩ số lên hệ thống trường công lập của Thành phố.

+ Đề xuất xem xét các Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) khi áp dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có quy định về diện tích tối thiểu từ 8-10m²/học sinh.

+ Đối với các lĩnh vực hoạt động giáo dục liên quan đến cơ sở giáo dục ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài, trung tâm ngoại ngữ, tin học, giáo dục kỹ năng sống và hoạt động ngoài giờ lên lớp chính khóa, dịch vụ tư vấn du học, văn phòng đại diện: tham mưu hoàn thiện khung pháp lý về các quy định điều kiện cơ sở vật chất (tiêu chuẩn cụ thể về phòng học, các phòng chức năng, trang thiết bị dạy học), điều kiện về nhân sự (tiêu chí cụ thể đối với giáo viên: các loại chứng chỉ giảng dạy tương đương với chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm: TESOL, TKT,...);

- Tham mưu hoàn thiện khung khổ pháp lý về địa vị pháp lý, quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức đầu tư cho giáo dục và các cơ sở giáo dục ngoài công lập; về sử dụng các nguồn kinh phí ngoài ngân sách Nhà nước;

- Tham mưu đổi mới cơ chế phân bổ nguồn lực, quản lý, cấp phát ngân sách nhà nước theo hướng Nhà nước bảo đảm đầu tư cho các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông); chuyển từ hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục sang hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng

chính sách, chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng;

- Tham mưu xây dựng, ban hành chính sách về quyền lợi của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được tuyển dụng, làm việc tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập (bao gồm cả các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, bảo đảm ít nhất ngang bằng với quyền lợi của đội ngũ nhà giáo làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập.

2. Cải thiện môi trường đầu tư

- Rà soát các điều kiện đầu tư, các chính sách thuế, chính sách đất đai trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm các thủ tục không cần thiết, đơn giản hóa quy trình thủ tục cho nhà đầu tư; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm bảo đảm thông tin thông suốt, minh bạch; giải quyết kịp thời những thắc mắc của nhà đầu tư trong quá trình thành lập, hoạt động của các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

- Bảo đảm đối xử bình đẳng và tạo môi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch; không phân biệt cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục ngoài công lập, người học đều được tiếp cận cơ hội giáo dục và hưởng lợi từ các chính sách phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước; Đối với vốn viện trợ ODA: Các cơ sở giáo dục ngoài công lập được tiếp cận, thụ hưởng vốn viện trợ ODA theo quy định của pháp luật liên quan; Đối với vốn vay nước ngoài (vay ODA, vay ưu đãi): các cơ sở giáo dục ngoài công lập không thuộc đối tượng được cấp phát từ nguồn vốn vay; Đối với vốn vay tín dụng trong nước: các cơ sở giáo dục ngoài công lập được tiếp cận, thụ hưởng nguồn vốn tín dụng trong nước ưu đãi (nếu có).

- Tạo điều kiện thuận lợi về thị thực, giấy phép lao động để khuyến khích các nhà trí thức, doanh nhân, doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam và nước ngoài đóng góp công sức, trí tuệ và tài chính cho phát triển giáo dục và đào tạo.

3. Đẩy mạnh giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục công lập

Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công cả về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản, phân phối thu nhập, hợp tác, liên doanh, liên kết..., chú trọng các giải pháp sau:

- Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục theo cơ chế thị trường, xác định rõ các đơn vị cung cấp dịch vụ không sử dụng ngân sách nhà nước, đơn vị được quyết định các khoản thu, mức thu bảo đảm bù đắp chi phí hợp lý, có tích lũy;

- Đổi mới cơ cấu sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước theo hướng tăng đầu tư để bảo đảm cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục, tăng cường quyền tự chủ

và trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục để từng bước tăng nguồn thu đảm bảo chi thường xuyên;

- Thúc đẩy áp dụng cơ chế tự chủ của các cơ sở giáo dục công lập, trước hết đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học;

- Từng bước thí điểm đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP) trong giáo dục, trước mắt là các dự án phát triển cơ sở hạ tầng giáo dục.

4. Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục

- Rà soát, bổ sung, ban hành các quy định về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục, trong đó có cơ chế, chính sách bắt buộc các cơ sở đào tạo thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm định các chương trình đào tạo của đơn vị mình;

- Thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo, công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, nhằm sớm phát hiện các bất cập, khó khăn, vướng mắc để kịp thời có biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền tháo gỡ, xử lý; có chế tài với các cơ sở giáo dục không tuân thủ theo quy định.

5. Tiếp tục đẩy mạnh thông tin, truyền thông

- Tuyên truyền sâu rộng, tập huấn về các chủ trương, chính sách xã hội hóa để tất cả các đối tượng liên quan nhận thức đúng đắn, đầy đủ và thực hiện có hiệu quả chủ trương huy động các nguồn lực của xã hội cho giáo dục;

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước qua các chương trình, hội nghị, sự kiện, hoạt động đối ngoại chính thức và ngoại giao Nhân dân;

- Ghi nhận, tôn vinh, nhân rộng gương điển hình những cá nhân, tổ chức có đóng góp, tài trợ cho sự nghiệp giáo dục;

- Tăng cường bồi dưỡng kiến thức pháp lý và chuyên môn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan quản lý và cơ sở giáo dục trong việc thu hút và quản lý các nguồn lực huy động.

III. PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các văn bản hướng dẫn phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn; hướng dẫn cơ chế, chính sách đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập vì lợi nhuận và không vì lợi nhuận;

- Cho phép các cơ sở giáo dục ngoài công lập chủ động thực hiện chương trình dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cam kết đã công bố; thực hiện kiểm tra, đánh giá và kiểm định dựa trên kết quả đầu ra; khuyến khích các trường thu hút chuyên gia trong và ngoài nước tham gia hợp tác, cộng tác;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan và các tổ chức, cơ sở giáo dục tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách và bố trí biên chế, số lượng người làm việc hàng năm của các cơ sở giáo dục sau khi chuyển đổi sang cơ chế tự chủ;

- Chủ trì, phối hợp với sở ngành liên quan hướng dẫn thực hiện đầu tư theo hình thức đối tác công - tư;

- Đầu mối cung cấp thông tin trong triển khai thực hiện Kế hoạch, đảm bảo thông tin kịp thời, đúng định hướng.

- Theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện, định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả thực hiện và đề xuất tháo gỡ những vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Kế hoạch và đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát các điều kiện đầu tư để thực hiện các thủ tục đầu tư trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo quy định của Luật Đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố việc thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn đối với phần vốn đầu tư công tham gia thực hiện các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, pháp luật về đầu tư công.

- Tăng cường hoạt động thông tin đối ngoại, hỗ trợ xúc tiến đầu tư trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị và căn cứ chức năng nhiệm vụ của ngành có văn bản hướng dẫn về sử dụng các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước, về nguồn vốn tài trợ, viện trợ... trong và ngoài nước.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào hoạt động giáo dục nghề nghiệp, hoạt động đào tạo nhân lực chất lượng cao, nhân lực ngành nghề mũi nhọn; về trách nhiệm của các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng và gia đình trong việc đóng góp nguồn lực và tham gia các hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

- Thường xuyên rà soát, cập nhật các điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp để tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố đơn giản hóa các thủ tục hành chính về giáo dục nghề nghiệp;

- Tổ chức đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định cho các cơ sở sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp không phân biệt hình thức sở hữu;

- Đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo để làm cơ sở xác định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, gắn với giải quyết việc làm, tạo việc làm và xuất khẩu lao động cho lực lượng học sinh sau tốt nghiệp khóa học nghề; thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố theo đúng quy định;

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra giám sát, hướng dẫn về xã hội hóa đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Hướng dẫn Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện rà soát, cập nhật nhu cầu sử dụng đất của các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập; đôn đốc, hướng dẫn các nhà đầu tư, đơn vị quản lý các cơ sở giáo dục hoàn thiện hồ sơ về đất đai, môi trường theo quy định.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy chỉ đạo các cơ quan báo chí Thành phố xây dựng kế hoạch tuyên truyền nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước huy động các nguồn lực của xã hội cho giáo dục; tuyên truyền về quyền lợi và trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức, cá nhân tham gia tài trợ, đầu tư cho giáo dục, chú trọng phát hiện tôn vinh và nhân rộng những gương điển hình về tài trợ, đóng góp cho giáo dục; tuyên truyền về quyền bình đẳng và công bằng trong việc tiếp cận cơ hội giáo dục và hưởng lợi từ các chính sách phát triển giáo dục giữa các cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục ngoài công lập.

- Định hướng các cơ quan báo chí Thành phố tăng cường tuyên truyền về huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đạt hiệu quả thiết thực; chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tuyên truyền các nội dung qua hệ thống thông tin cơ sở bằng nhiều hình thức phù hợp, hiệu quả.

7. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; các cơ quan, đơn vị có liên quan và các tổ chức,

cơ sở giáo dục tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách và bố trí biên chế, số lượng người làm việc hàng năm của các cơ sở giáo dục sau khi chuyển đổi sang cơ chế tự chủ trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được phân công.

8. Cục Thuế Thành phố

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên ngành thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi về đất đai. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quy định hiện hành để xem xét, quyết định miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Giáo dục và Đào tạo giám sát việc thực hiện dự án theo đúng điều kiện và tiêu chí đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp phát hiện không đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định bãi bỏ các ưu đãi theo quy định của pháp luật”.

9. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình để thu hút các nguồn lực xã hội cho phát triển giáo dục tại địa phương;

- Thực hiện và rà soát quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục; đẩy mạnh tự chủ tài chính của các cơ sở giáo dục công lập với lộ trình phù hợp cho từng cấp học; chủ động phân luồng và định hướng cho phụ huynh và người học lựa chọn các mô hình trường không phân biệt công lập hay ngoài công lập;

- Thực hiện việc bố trí quỹ đất dành cho giáo dục, chú trọng bảo đảm giao đất hoặc cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng cho chủ đầu tư; xử lý kịp thời các kiến nghị của nhà đầu tư;

- Có giải pháp cụ thể hỗ trợ lãi suất tín dụng, hỗ trợ vốn đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, hỗ trợ tài chính, tổ chức bồi dưỡng quản lý, chuyên môn cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục cho các cơ sở giáo dục ngoài công lập;

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát các cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn, trong đó đặc biệt chú trọng các yêu cầu về công khai mức học phí, công khai tài chính và cam kết chất lượng.

10. Cơ quan báo, đài Thành phố

Chủ động phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện mở chuyên trang, chuyên mục định kỳ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 - 2025 nhằm tạo sự lan tỏa, đồng thuận của xã hội phục vụ

sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố ngày càng phát triển.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành, địa phương chủ động đề xuất, gửi Sở Giáo dục và Đào tạo (cơ quan thường trực) tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ